TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO L** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/**2024/HNGĐ- ST
Ngày : 08-01- 2024
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L *tham gia phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 246/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thúc Đ**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu dân cư 09, thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường, thị xã Đức P, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Ngọc Mai U**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 07, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Nguyễn Thúc Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà Huỳnh Ngọc Mai U có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thúc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U chung sống với nhau từ năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/3/2019. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân chính của mâu thuẫn là hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà U không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Sau khi cãi vã bà U đã bỏ về nhà bố mẹ ruột tại thôn 01, xã Lộc An, huyện Bảo L. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U sống ly thân từ tháng 03/2022 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy ông Nguyễn Thúc Đ yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Ngọc Mai U.

Về con chung: Ông Nguyễn Thúc Đ trình bày quá trình chung sống bà và bà Huỳnh Ngọc Mai U có 01 người con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/8/2018. Hiện nay cháu Tâm đang sống cùng mẹ tại xã Lộc An, huyện Bảo L, ông Đ đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con mà sẽ cấp dưỡng theo từng mùa vụ công việc.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thúc Đ trình bày ông và bà Huỳnh Ngọc Mai U có tạo lập được một số tài sản chung, ly hôn ông Đ và bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Thúc Đ trình bày bà và bà Huỳnh Ngọc Mai U không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Mai U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Mai U và ông Nguyễn Thúc Đ có tìm hiểu yêu nhau khoảng hơn 01 năm thì quyết Đ sống chung, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, quận 5 thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/3/2019. Hôn nhân là tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do ông Đ không thông cảm chăm lo cho gia đình, ông Đ ghen tuông vô cớ nghi ngờ bà U ngoại tình, thường xuyên xúc pham bà và gia đình. Tháng 3 năm 2022, vợ chồng sống ly thân bà U chU về nhà bố mẹ ruột sinh sống tại xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian ly thân lúc đầu ông Đ có gọi điện thoại hỏi thăm con và bà, đến cuối năm 2022 ông Đ không còn quan tâm chăm lo cho con, không ai quan tâm ai nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà U đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thúc Đ.

Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc Mai U trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/8/2018. Ly hôn bà U có nguyện vọng nhận nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà U yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 12 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc Mai U trình bày ông và ông Nguyễn Thúc Đ có tạo lập được một số tài sản chung, ly hôn bà U và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Mai U trình bày ông và ông Nguyễn Thúc Đ không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/11/2023 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn có mặt và thay đổi yêu cầu, bà U yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ tháng.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U được ly hôn; Về con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/8/2018 giao cho bà U trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2024; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

I. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thúc Đ có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Huỳnh Ngọc Mai U có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy Đ của pháp luật

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Ông Nguyễn Thúc Đ yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung với bà Huỳnh Ngọc Mai U, có địa chỉ tại Thôn 07, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; nên xác Đ quan hệ tranh chấp *"Ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U chung sống với nhau từ năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/3/2019. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Theo ông Đ quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà U không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Sau khi cãi vã bà U đã bỏ về nhà bố mẹ ruột tại thôn 01, xã Lộc An, huyện Bảo L. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U sống ly thân từ tháng 03/2022 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy ông Nguyễn Thúc Đ yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Ngọc Mai U.

Còn bà Huỳnh Ngọc Mai U cho rằng quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do ông Đ không thông cảm chăm

lo cho gia đình, ông Đ ghen tuông vô cớ nghi ngờ bà U ngoại tình, thường xuyên xúc pham bà và gia đình. Tháng 3 năm 2022, vợ chồng sống ly thân bà U chU về nhà bố mẹ ruột sinh sống tại xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian ly thân lúc đầu ông Đ có gọi điện thoại hỏi thăm con và bà, đến cuối năm 2022 ông Đ không còn quan tâm chăm lo cho con, không ai quan tâm ai nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà U đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thúc Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành do ông Đ có đơn đề nghị hòa giải vắng mặt. Xét thấy ông Đ và bà U có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân, cả ông Định và bà U đều đồng ý được ly hôn. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U, căn cứ vào giấy khai sinh ông Nguyễn Thúc Đ nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/8/2018. Ly hôn ông Đ đồng ý giao con chung là cháu Tâm cho bà U chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà U cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/08/2018 cho bà Huỳnh Ngọc Mai U chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà Huỳnh Ngọc Mai U yêu cầu ông Nguyễn Thúc Đ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi còn ông Đ thì đồng ý cấp dưỡng nuôi con tùy theo mùa vụ. Bên cạnh đó ông Đ còn cung cấp đơn xin xác nhận không có việc làm, không có thu nhập thể hiện hiện nay ông Đ không có thu nhập ổn Đ. Căn cứ vào Điều 82, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mặc dù hiện nay ông Đ không có việc làm và thu nhập ổn Đ nhưng ông Đ vẫn phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông Đ chưa có thu nhập ổn Đ nên mức cấp dưỡng cũng xem xét phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông Đ và nhu cầu thiết yếu của cháu Tâm, do vậy cần xem xét mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2014 là phù hợp với quy Đ của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc ông Nguyễn Thúc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2024 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy Đ của Luật Hôn nhân và gia đình.

{3} Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U trình bày quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung nào, ly hôn ông Nguyễn

Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U không yêu cầu chia tài sản chung do vậy Hội đồng xét xử không đề cấp đến.

{4} Về nợ chung: Ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc ông Nguyễn Thúc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thúc Đ đối với bà Huỳnh Ngọc Mai U về việc *"Xin ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thúc Đ và bà Huỳnh Ngọc Mai U được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/08/2018 cho bà Huỳnh Ngọc Mai U chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Thúc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2024 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy Đ của Luật Hôn nhân và gia đình.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy Đ của Luật hôn nhân và gia đình".

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015".

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thúc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phíc ấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền

300.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Thúc Đ đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0013062 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Thúc Đ còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Bảo L;*
- *Chi cục THADS huyện Bảo L;*
- *UBND phường 5, Q5, TP. HCM;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi